

CÁC BỘ

BỘ GIÁO DỤC

THÔNG TƯ số 6-TT ngày 9-4-1975 hướng dẫn thực hiện chế độ chính sách đối với giáo viên bỏ túc văn hóa nghiệp dư nông thôn.

Đề đảm bảo cho công tác bỏ túc văn hóa phát triển mạnh mẽ, vững chắc, đáp ứng được các yêu cầu theo tinh thần nghị quyết 22 và chỉ thị 208 của Trung ương Đảng, ngành học bỏ túc văn hóa phải có một đội ngũ giáo viên bỏ túc văn hóa vững và mạnh. Đặc biệt là ở vùng nông thôn rộng lớn, đội ngũ giáo viên bỏ túc văn hóa nghiệp dư cũng phải được tiếp tục củng cố, phát triển và không ngừng bồi dưỡng về nghiệp vụ.

Đề khuyến khích đội ngũ giáo viên nói trên phát huy hết khả năng và nhiệt tình công tác, ngày 17-5-1961 Thủ tướng Chính phủ đã ban hành thông tư số 195-TTg quy định chế độ đãi ngộ đối với cán bộ, giáo viên bỏ túc văn hóa công tác ở cơ quan xí nghiệp, công, nông, lâm trường. Tiếp đó liên bộ Giáo dục - Tài chính, đã có thông tư số 54-TT/LB ngày 28-10-1961 hướng dẫn thực hiện. Ngày 13-7-1968, Hội đồng Chính phủ lại ban hành chỉ thị số 110-CP quy định: « Giáo viên dạy bỏ túc văn hóa ở nông thôn, ở cơ quan, xí nghiệp là lực lượng đông đảo những người vừa sản xuất hoặc công tác, vừa tham gia dạy bỏ túc văn hóa. Đội ngũ này cần được ổn định không nên thay đổi nhiều và cần được bồi dưỡng về phương pháp và kinh nghiệm giảng dạy bỏ túc văn hóa. Thủ lao hàng tháng cho anh chị em do người học đóng góp bằng công diêm hoặc bằng tiền; nếu không đủ thì cơ quan, xí nghiệp cần trích quỹ xí nghiệp để trả thêm, nơi nào không có quỹ xí nghiệp thì quỹ công đoàn đài thọ, ở nông thôn thì quỹ công ích của hợp tác xã đài thọ... »

Ngày 3-12-1973, Bộ Giáo dục ban hành quy chế trường bỏ túc văn hóa tại chức ở nông thôn (quyết định số 125-QĐ) cũng là nhằm đảm bảo phong trào bỏ túc văn hóa ở nông thôn phát triển vững chắc, ổn định.

Nay Bộ Giáo dục có sự thỏa thuận của Ủy ban Nông nghiệp trung ương, căn cứ vào các chế độ chính sách đối với giáo viên bỏ túc văn hóa nghiệp dư nông thôn đã được Chính phủ quy định tại các văn bản nói trên, hướng dẫn thêm phần nội dung các chế độ chính sách đó để các địa phương thực hiện.

I. CHẾ ĐỘ CÔNG TÁC CỦA GIÁO VIÊN BỎ TÚC VĂN HÓA NGHIỆP DƯ NÔNG THÔN

1. Về nguyên tắc: số ngày giờ dạy bỏ túc văn hóa và tham gia lao động sản xuất hàng năm là do yêu cầu của chương trình học và kế hoạch giảng dạy bỏ túc văn hóa của từng địa phương quy định. Số ngày công nghĩa vụ của giáo viên bỏ túc văn hóa nghiệp dư được tính cả số ngày lao động nông nghiệp và số ngày lao động giảng dạy, soạn bài, chấm bài, làm đồ dùng dạy học, dự hội nghị chuyên môn, dự lớp bồi dưỡng nghiệp vụ.

2. Về cụ thể:

— Giáo viên cấp I, cứ một giờ dạy trên lớp phải có một giờ soạn bài, chấm bài, làm đồ dùng dạy học.

— Giáo viên cấp II, cứ một giờ dạy trên lớp phải có một giờ soạn bài, chấm bài, làm đồ dùng dạy học. Riêng giáo viên dạy môn văn phải có hai giờ soạn bài, chấm bài, làm đồ dùng dạy học.

Hàng năm ngoài số giờ lên lớp giảng dạy, soạn bài, chấm bài, làm đồ dùng dạy học, giáo viên bỏ túc văn hóa cấp I, cấp II được 16 buổi (mỗi buổi 4 giờ) để sinh hoạt tổ giáo viên, hội đồng chuyên môn, kiến tập, thực tập, 20 buổi để sơ kết học kỳ, tổng kết năm học, chuẩn bị năm học mới và được từ 15 đến 20 ngày đi dự lớp bồi dưỡng huấn luyện chuyên môn nghiệp vụ do cấp trên tổ chức.

II. QUYỀN LỢI CỦA GIÁO VIÊN BỎ TÚC VĂN HÓA NGHIỆP DƯ NÔNG THÔN

1. Quyền lợi về tinh thần:

a) Giáo viên bỏ túc văn hóa nghiệp dư được dự các buổi hội nghị phổ biến hoặc nghiên cứu học tập các chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước do xã tổ chức cho cán bộ xã.

b) Được đào tạo bồi dưỡng về nghiệp vụ do cơ quan giáo dục cấp trên tổ chức.

c) Nếu trình độ văn hóa còn thấp thì được ưu tiên xét chọn đi học các trường bỏ túc văn hóa cấp II, III tại chức trong huyện.

d) Hàng năm được nhận xét thành tích công tác, dự bình bầu các danh hiệu thi đua và xét khen thưởng theo chế độ hiện hành.

2. Quyền lợi về vật chất:

Cần đảm bảo đời sống cho giáo viên bỏ túc văn hóa nghiệp dư như cán bộ khác trong xã,

đãi ngộ cho xứng đáng với nhiệm vụ công tác được giao, tránh tình trạng thu nhập kinh tế đời sống, sinh hoạt thua kém các cán bộ khác của xã.

a) Các giáo viên bỏ túc văn hóa nghiệp dư (kể cả giáo viên các trường phổ thông tham gia dạy bỏ túc văn hóa ngoài giờ quy định) công tác và giảng dạy được hưởng bằng tiền như sau :

— Mỗi giờ giáo viên lên lớp dạy các lớp cấp I được hưởng 0,30 đồng ;

— Mỗi giờ giáo viên lên lớp dạy các lớp cấp II được hưởng 0,60 đồng ;

— Giáo viên dạy cấp I ; cứ 2 giờ sinh hoạt chuyên môn và họp bàn các công tác khác của bỏ túc văn hóa được hưởng bằng 1 giờ dạy trên lớp cấp I ;

— Giáo viên dạy cấp II : cứ 3 giờ sinh hoạt chuyên môn hoặc họp bàn các công tác khác được hưởng tiền bằng 1 giờ dạy trên lớp cấp II.

(Thông tư số 54-TT/LB ngày 28-10-1961 của liên Bộ Giáo dục - Tài chính ; chỉ thị số 110-CP ngày 13-7-1968 của Chính phủ, Quy chế ban hành theo quyết định số 1251-QĐ ngày 3-12-1973 và thông tư số 46-TT ngày 24-6-1962 của Bộ Giáo dục).

b) Lương thực : dù trả thù lao cho giáo viên bỏ túc văn hóa nghiệp dư bằng tiền, các cấp chính quyền và hợp tác xã phải đảm bảo cho họ về mặt lương thực như các cán bộ khác trong xã.

3. Các quyền lợi khác :

a) Giáo viên bỏ túc văn hóa nghiệp dư được mượn sách giáo khoa của lớp mình hoặc môn mình phụ trách, sách tham khảo giảng dạy và bồi dưỡng, được mượn chuyên san bỏ túc văn hóa để nghiên cứu và được cấp phát giấy mực để soạn bài, phần để viết bảng. Giấy, mực, phần được dự trữ theo tiêu chuẩn bằng cả tiêu chuẩn cấp phát cho giáo viên phổ thông (giấy lút soạn bài cả năm, giáo viên cấp I : 6,70 đồng ; giáo viên cấp II : 8,30 đồng ; cấp phần viết bảng cả năm, 1 lớp cấp I : 4,60 đồng ; 1 lớp cấp II : 9,80 đồng). Nếu giáo viên bỏ túc văn hóa nghiệp dư chỉ dạy bằng nửa (1/2) số giờ tối đa của giáo viên phổ thông thì chỉ được dự trữ bằng nửa (1/2) tiêu chuẩn.

b) Giáo viên bỏ túc văn hóa nghiệp dư nông thôn còn được Nhà nước bồi dưỡng về chính trị, văn hóa, nghiệp vụ và khi đi dự lớp bồi dưỡng được đài thọ tiền tàu xe và tiền ăn trong thời gian học tập theo chế độ hiện hành và do ngân sách của ngành giáo dục đài thọ.

c) Ngoài ra giáo viên bỏ túc văn hóa nghiệp dư nông thôn còn được các quyền lợi như một cán bộ xã trong những trường hợp sau đây :

— Được chính quyền và hợp tác xã trợ cấp khó khăn khi gia đình gặp khó khăn như thiên tai, mất mùa, ốm đau kéo dài ;

— Được hưởng chế độ thuốc men, được điều trị, bồi dưỡng khi giáo viên ốm đau, bị tai nạn trong khi đang làm nhiệm vụ bỏ túc văn hóa. Nữ giáo viên bỏ túc văn hóa khi sinh đẻ được hưởng mọi quyền lợi như nữ xã viên ;

— Được Ủy ban hành chính xã áp dụng hợp lý hóa chính sách dân công để đảm bảo duy trì các lớp bỏ túc văn hóa ;

— Được hợp tác xã phân phối các sản phẩm phụ theo chính sách chung đối với cán bộ xã và hợp tác xã.

III. KINH PHÍ THÙ LAO CHO GIÁO VIÊN BỎ TÚC VĂN HÓA NGHIỆP DƯ NÔNG THÔN

Đề thù lao cho giáo viên bỏ túc văn hóa nghiệp dư, các địa phương cần sử dụng các nguồn kinh phí sau đây :

1. Tiền học phí do học viên đóng góp hàng tháng (thông tư số 195-TTg ngày 17-5-1961 của Thủ tướng Chính phủ) ;

2. Tiền quỹ công ích của hợp tác xã (chỉ thị số 110-CP ngày 13-7-1968 của Chính phủ) ;

3. Tiền thuộc ngân sách xã (thông tư số 14-TC/TDT ngày 6-10-1972 của Bộ Tài chính).

Về chế độ chính sách đối với giáo viên bỏ túc văn hóa nghiệp dư nông thôn được hướng dẫn trong thông tư này là những chính sách đã được quy định tại nhiều văn bản. Nay Bộ Giáo dục tập hợp lại và hệ thống lại để các địa phương thi hành. Trong quá trình thực hiện nếu thấy có vấn đề gì cần sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với yêu cầu hiện nay, các địa phương nên gửi ý kiến đó về Bộ để Bộ nghiên cứu trình Chính phủ quyết định.

Hà-nội, ngày 9 tháng 4 năm 1975

Bộ trưởng Bộ Giáo dục
NGUYỄN VĂN HUYỀN